

Số: /KH-GDNN-GDTX

Tuần Giáo, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Phát triển quy mô lớp, học sinh, người làm việc năm học 2025-2026

Thực hiện Công văn số 826/SGDĐT-VP, ngày 27/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc năm học 2025 - 2026. Trung tâm GDNN - GDTX 2 xây dựng Kế hoạch số lượng người làm việc năm học 2025 - 2026, cụ thể như sau:

I. QUY MÔ SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH

Biểu 1

Stt	Khối lớp	Thực hiện năm học 2024-2025 (tính đến ngày 15/4/2025)			Dự báo Năm học 2025-2026 (tại thời điểm tháng 10/2025)		
		Số lớp	Số học sinh	HS/Lớp	Số lớp	Số học sinh	HS/ Lớp
1	Khối 10	7	237	33	9	383	42
2	Khối 11	3	108	36	6	239	39
3	Khối 12	2	38		2	86	43
Tổng cộng:		12	383		17	708	41

II. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Stt	Vị trí việc làm	Số lượng hiện có (tính đến 15/4/2025)		Năm học 2025-2026	
		THCS	THPT	SL cần	Bổ Sung
1	Ban giám đốc				
	- Giám đốc		03	01	
	- Phó Giám đốc		05	05	
2	Giáo viên				
	- Văn	0	3 (tính cả 1 GD, 1 PGD)	6	3
	- Sử	0	3	4	1
	- Địa	0	0	2	2
	- Toán	0	1	4	3
	- Lý	0	2	3	1

	- Hoá	0	2	3	1
	- Sinh	0	3 (tính cả 1 PGĐ)	3	0
	- Thẻ dực	0	0	0	0
	- Ngoại ngữ		0	0	0
	- KTCN		0	0	0
	- KTNN		0	0	0
	- GDKTPL		1	1	0
	- Tin		2	3	1
	- GDQP		0	0	0
	- Dạy nghề		16	27	11
	- Âm nhạc		0	0	0
	- Mỹ thuật		0	0	0
	- Khác (<i>ghi rõ loại hình</i>)		0	0	0
3	Đoàn đội				
4	Phục vụ giảng dạy				
	- Cán bộ Thư viện				
	- Cán bộ Thí nghiệm				
5	Nhân viên				
	- Y tế				
	- Kế toán		02	02	
	- Thủ quỹ				
	- Bảo vệ		03	03	
	- Phục vụ		01	01	
	- Giáo vụ				
	- Kỹ thuật viên				
	- Văn thư		01	01	
	- Khác (<i>ghi loại hình</i>)		03	02	

III. TỔNG HỢP NHU CẦU NGƯỜI LÀM VIỆC

Chức danh	Số lượng hiện có	Năm học 2025-2026	
		SL cần	Bổ sung
1. Ban Giám đốc	06	06	0
2. Giáo viên giảng dạy	30	53	23
2.1. Giáo viên dạy THPT	14	26	12
2.2. Giáo viên dạy nghề	16	27	11
3. Đoàn, Đội	0	0	0
4. Phục vụ giảng dạy	01	01	0

5. Nhân viên	9	09	0
Tổng:	46	69	23

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÁC ĐƠN VỊ TỔ, PHÒNG

Stt	Tên tổ (phòng)	Số lượng người làm việc	Số lượng cấp phó	Ghi chú
1	Tổ Hành Chính - Tổng Hợp	11	02	
2	Tổ Giáo dục thường xuyên	14	02	
3	Tổ Giáo dục nghề nghiệp	14	02	
4	Tổ đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo và hợp tác quốc tế	07	01	

Trên đây là Kế hoạch phát triển quy mô lớp, học sinh, người làm việc năm học 2025-2026 của Trung tâm GDNN - GDTX 2./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT tỉnh (b/c);
- Ban giám đốc;
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC

Lê Sỹ Tường

DANH SÁCH NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƠN VỊ*(Tính đến ngày 15/4/2025)**(Kèm theo Kế hoạch số /KH-GDNN-GDTX, ngày /9/2025 của Trung tâm GDNN - GDTX 2)***I. Lãnh đạo đơn vị (tổng số 09)**

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chức vụ hiện tại	Ghi chú
1	Lê Sỹ Tường	07/5/1979	Thạc sĩ	QLGD	Giám đốc	Chưa sáp nhập
2	Trần Ngọc Sơn	18/11/1983	Thạc sĩ	QLGD	Giám đốc	
3	Phạm Thị Xuân	19/9/1971	Đại học	Sư phạm vật lý KTCN	Giám đốc	
4	Vũ Đức Bình	07/02/1987	Đại học	Thú y	Phó GĐ	
5	Võ Thị Tâm	15/08/1979	Đại học	Ngữ Văn	Phó GĐ	
6	Nguyễn Cao Cường	14/6/1977	Đại học	Anh Văn	Phó GĐ	
7	Hoàng Mạnh Hùng	22/4/1970	Đại học	Cây trồng	Phó GĐ	
8	Phan Hanh Thông	25/11/1970	Đại học	Công trình thủy lợi	Phó GĐ	
9	Hoàng Quyết Định	14/4/1981	Đại học	SP Sinh học	Phó GĐ	

II. Giáo viên**II.1. Giáo viên THPT (tổng số 15)**

Môn dạy	Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ghi chú
Ngữ văn	1	Trần Thị Ngọc Hà	14/12/1988	Đại học	Ngữ Văn	

Toán	1	Nguyễn Thị Quý	02/09/1999	Đại học	Toán	
GDCD	1	Giàng A Chư	14/03/1989	Đại học	GDCD	
Lịch sử	1	Đỗ Như Định	02/07/1982	Đại học	Lịch Sử	
	2	Nguyễn Thị Thanh Nga	02/12/1983	Đại học	Lịch Sử	
	3	Lương Hải Hà	28/09/1995	Đại học	Lịch Sử	
Hóa học	1	Trần Thị Nguyệt	19/02/1990	Đại học	Hóa	
	2	Phạm Thị Hải	18/12/1989	Đại học	Hóa	
Vật lý	1	Lê Thị Ánh Tiếp	01/01/1990	Đại học	Vật lý	
	2	Giàng A Tăng	16/07/1987	Đại học	Vật lý	
Sinh học	1	Trần Thị Thúy Hằng	24/08/1984	Đại học	Sinh	
	2	Nguyễn Thị Bình	10/04/1986	Đại học	Sinh	
Tin học	1	Tòng Văn Khương	16/12/1985	Đại học	Tin học	
	2	Lê Thị Huế	14/08/1988	Đại học	Tin học	

II.2. Giáo viên GDNN (tổng số 16)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Phương Anh	16/10/1985	Đại học	
2	Hoàng Bảo Hoàn	16/11/1981	Đại học	
3	Hoàng Tuấn Anh	09/05/1986	Đại học	
4	Lò Văn Tiến	12/08/1994	Đại học	
5	Giàng Thị Lan	21/06/1985	Đại học	
6	Phan Thị Nhung	12/03/1996	Đại học	
7	Lê Tuấn Anh	29/08/1995	Đại học	

8	Lường Thị Chung	12/11/1982	Đại học	
9	Nguyễn Thị Cúc	12/01/1987	Đại học	
10	Đỗ Văn Tuyên	03/05/1990	Đại học	
11	Phạm Xuân Lực	16/06/1982	Cao đẳng	
12	Đỗ Hải Chức	14/10/1987	Đại học	
13	Hoàng Thị Vui	08/11/1978	Đại học	
14	Lường Văn Thắng	23/12/1984	Đại học	
15	Vũ Văn Quyết	07/6/1978	Đại học	
16	Nguyễn Quyết Thắng	25/8/1976	Đại học	

III. Nhân viên phục vụ giảng dạy (tổng số: 01)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Công việc hiện nay	Ghi chú
1	Phạm Thị Hằng	15/12/1978	Đại học	Sư phạm toán	Viên chức tổ đào tạo, hợp tác và quốc tế	
2						

IV. Nhân viên hành chính (tổng số: 10)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Công việc hiện nay	Ghi chú
1	Mai Văn Hà	28/10/1982	Đại học	Luật	Chuyên viên quản trị hành chính công sở	
2	Lường Văn Thoan	01/9/1981	Trung cấp	Cơ điện	Nhân viên hành chính - Tổng hợp	

3	Nguyễn Thị Vân	10/9/1987	Đại học	Kế toán	Văn Thư	
4	Phạm Thị Thanh Lý	09/6/1988	Đại học	Kế toán	Kế toán	
5	Phạm Thị Thủy	15/12/1987	Đại học	Kế toán	Kế toán	
6	Nguyễn Ngọc Anh	27/01/1984	Đại học	Cây trồng	Nhân viên hành chính - Tổng hợp	
7	Ninh Ngọc Huế	20/7/1976			Nhân viên Phục vụ	Hợp đồng 111
8	Tô Thế Thắng	31/12/1968			Nhân viên Bảo vệ	Hợp đồng 111
9	Lù Văn Chính	20/4/1975			Nhân viên Bảo vệ	Hợp đồng 111
10	Điêu Chính Lún	06/11/1976			Nhân viên Bảo vệ	Hợp đồng 111

BIỂU THUYẾT MINH BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

I. Công tác giảng dạy

Stt	Môn dạy	Số tiết/tuần	Số tiết kiêm nhiệm	Số giáo viên cần có = Tổng số tiết/định mức giáo viên	Số tiết tăng giờ (+), thiếu giờ (-) so với định mức	Số giáo viên hiện có	Nhu cầu bổ sung
1	Ngữ văn	- Dạy chính: 3 (tiết) x 17 lớp = 51 - Chuyên đề: 1 (tiết) x 2 (lớp) = 2 - HĐTN 10 = 3 tiết x 1 lớp = 3 * Tổng: 51 + 2 + 3 = 56	- Phó GD 13 tiết - Chủ nhiệm: 4 tiết - Phó BTĐTN: 5,95 - Tổng: 22,95	$78,95/17 = 4,64$	+ 44,9	2 (tính cả 1 phó GD)	3
2	Toán	- Dạy chính: 3(tiết)/tuần x 17 lớp = 51 - Chuyên đề: 5 (tiết) x 5 (lớp) = 5 * Tổng: 51 + 5 = 56	- Chủ nhiệm: 4 tiết - Tổng: 4	$60/17 = 3,47$	+ 43	1	3
3	Lịch sử	- Dạy chính: 1,5 (tiết)/tuần x 17 lớp = 25,5 - Chuyên đề: 17 (tiết) x 17 (lớp) = 17 * Tổng: 25,5 + 17 = 42,5	- Chủ nhiệm: 12 tiết - Phó BTĐTN: 5,95 - Tổng: 17,95	$60,45/17 = 3,55$	+ 9,45	3	1
4	Vật lý	- Dạy chính: 2 (tiết)/tuần x 7 (lớp 10) + 2(tiết) x 4 (lớp 11) + 2 (tiết) x 2 (lớp 12) = 26 - Chuyên đề = 1 (tiết) x 3 lớp = 3 - HĐTN 10 = 3 tiết x 3 lớp = 9 * Tổng: 26 + 3 + 9 = 38	- Chủ nhiệm: 8 tiết - Tổng: 8	$46/17 = 2,70$	+ 12	2	1
5	Hóa học	- Dạy chính: 2 (tiết)/tuần x 9 (lớp 10) + 2 (tiết) x 4 (lớp 11) + 2 (tiết) x 2 (lớp 12) = 30 - Chuyên đề 1 (tiết) x 5 lớp = 5 - HĐTN 10 = 3 tiết x 1 lớp = 3 * Tổng: 30 + 5 = 38	- Chủ nhiệm: 8 tiết - Tổ trưởng: 3 tiết - Tổng: 11	$49/17 = 2,88$	+ 15	2	1

6	Địa lý	- Dạy chính: 2 (tiết) x 17 lớp = 34 - Chuyên đề: 1 (tiết) x 7 lớp = 7 * Tổng : 34 + 7 = 41		41/17 = 2,41	+ 41	0	2
7	GDKTPL	- Dạy chính: 2 (tiết)/tuần x 3 (lớp 10) + 2 (tiết) x 2 (lớp 11) + 2 (tiết) x 1 (lớp 12) = 12 - Chuyên đề: 1 (tiết) x 5 lớp = 5 * Tổng : 12 + 5 = 17	- Chủ nhiệm: 4 tiết Tổng: 4	21/17 = 1,23	+ 4	1	0
8	Sinh	- Dạy chính: 2 (tiết)/tuần x 6 (lớp 10) + 2(tiết) x 4 (lớp 11) = 20 - Chuyên đề 1 (tiết) x 7 lớp = 7 tiết - HĐTN 10 = 3 tiết x 2 lớp = 6 - HĐTN 11 = 3 tiết x 1 lớp = 3 * Tổng: 20 +7+6 + 3 = 36	- Phó GĐ 13 tiết - Chủ nhiệm: 12 tiết - Tổng: 25	61/17 = 3,58	+10	3 (tính cả 1 phó GĐ)	0
9	Tin (1 GVtin nghề- chỉ Chủ nhiệm)	- Dạy chính: 2 (tiết)/tuần x 2 (lớp 10) + 2(tiết) x 3 (lớp 11) + 2 (tiết) x 1 (lớp 12) = 12 - HĐTN 11 = 2 tiết x 2 lớp = 4 - HĐTN 10 = 1 tiết x 1 lớp = 1 - HĐTN 10: 3 tiết x 2 lớp = 6 - HĐTN 11: 3 tiết x 2 lớp = 6 - HĐTN 12: 1 tiết x 1 lớp = 3 * Tổng: 12 +4+1+6+ 6+3 = 32	- Chủ nhiệm: 12 tiết - Tổ phó: 1 tiết - Tổng: 13	45/17 = 2,64	+ 11	2	1
10	HĐTN (1 GV dạy nghề- Chủ nhiệm + 1 lớp HĐTN)	- HĐTN 10: 2 tiết x 1 lớp = 2 - HĐTN 11: 3 tiết x 1 lớp = 3 - HĐTN 11: 1 tiết/tuần = 1 - HĐTN 12: 3 tiết x 1 lớp = 3 * Tổng: 2 +3+1 +3 = 9	- Giám đốc: 15 tiết - Phó GĐ 13 tiết - Chủ nhiệm: 4 tiết - Tổng: 32	41/17 = 2,41	- 10	2 (1 GĐ, 1 phó GĐ)	0
11	Dạy Nghề		- Bí Thư ĐTN: 11,9				
Tổng cộng:		365,5	149,8				12

II. Công tác kiểm nghiệm của giáo viên (Không tính nhân viên)

Stt	Loại hình kiểm nghiệm	Số tiết kiểm nghiệm	Số lượng người được bố trí
1	Bí thư chi bộ	0	
2	Bí thư đoàn trường	11,9	1
3	Phó BT Đoàn	5,95	2
4	Tổ trưởng chuyên môn	3 tiết x 01 tổ = 3 tiết	1
5	Tổ phó chuyên môn	1 tiết x 01 tổ = 1 tiết	2
6	Thư kí HĐ	2 tiết	
Tổng:		21,75	6
Giáo viên quy đổi			